

THÔNG TƯ

Quy định Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các

cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16/7/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép.

Điều 1. Phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi thống kê:

Thông tư này hướng dẫn về biểu mẫu báo cáo thống kê sử dụng tại các cơ sở, doanh nghiệp về kết quả hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép.

Điều 2. Chế độ báo cáo

1. Nội dung báo cáo:

Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch chia làm 2 phần: Phần biểu mẫu (03 biểu mẫu) và Phần hướng dẫn, giải thích biểu mẫu. Các đơn vị được phân công thực hiện báo cáo thống kê theo Danh mục các biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 1 và Phần Hướng dẫn, giải thích cách ghi biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn và kỳ gửi báo cáo thống kê:

a) Thời hạn báo cáo:

Ngày báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên trái của từng biểu mẫu thống kê. Cụ thể như sau:

- Báo cáo tháng: Ngày 10 tháng sau của tháng báo cáo;
- Báo cáo năm: Ngày 10 tháng 2 của năm sau.

b) Kỳ báo cáo thống kê:

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định mà đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

- Báo cáo thống kê tháng: Báo cáo thống kê tháng được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng;
- Báo cáo thống kê năm: Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo thống kê đó.

3. Phương thức gửi báo cáo:

Báo cáo được gửi tới nơi nhận bằng cả hai hình thức sau:

- a) Báo cáo thống kê được thể hiện bằng văn bản và phải có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị;
- b) Bằng tệp dữ liệu báo cáo (gửi kèm thư điện tử) cho đơn vị nhận báo cáo.

Điều 3. Đơn vị báo cáo, trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo

1. Đơn vị báo cáo:

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Cụ thể như sau:

- Các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch du lịch chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp từ biểu số 01.T/DL-DN và biểu số 03.N/DL-DN;
- Các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, vận chuyển, khu, điểm tham quan du lịch chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp từ biểu số 02.T/DL-DN và biểu số 03.N/DL-DN;
- Trường hợp cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh cả cơ sở lưu trú du lịch, lữ hành hoặc điểm tham quan thì báo cáo cả ba biểu số 01.T/DL-DN, 02.T/DL-DN và 03.N/DL-DN.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo:

- a) Chấp hành báo cáo đầy đủ, chính xác chỉ tiêu quy định trong từng biểu mẫu báo cáo;
- b) Lập báo cáo theo đúng quy định về thời điểm báo cáo, thời kỳ báo cáo;
- c) Gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo theo đúng quy định về thời hạn.

Điều 4. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê, là tên cơ quan quản lý du lịch địa phương được phân cấp. Có thể là Phòng Văn hóa và Thông tin hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2015.
2. Căn cứ vào công tác quản lý, xếp hạng, cấp phép của cơ quan quản lý du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch các địa phương triển khai chế độ báo cáo này đến các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.
4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục Du lịch) để kịp

thời xem xét, điều chỉnh.

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 26/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số: 01.T/DL-DN Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT- BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngày báo cáo: Ngày 10 tháng sau tháng báo cáo.	KẾT QUẢ KINH DOANH CƠ SỞ Tháng..... năm	Đơn vị báo cáo: Cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch Đơn vị nhận báo cáo: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch tỉnh/thành phố
---	---	--

Tên cơ sở Mã số
thuế

 Địa

chỉ.....

 Loại hình doanh nghiệp.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:

..... Fax:..... Email:.....

Giấy phép hoạt động du lịch:.....

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4= (%)
1. Khách do cơ sở lưu trú phục vụ (khách có nghỉ qua đêm tại cơ sở)						
1.1. Số lượt khách phục vụ	Lượt	01				
Khách quốc tế đến	Lượt	02				
Khách du lịch nội địa	Lượt	03				
1.2. Tổng số ngày lưu trú của khách (số đêm lưu trú):	Đêm	04				
Khách quốc tế đến	Đêm	05				
Khách du lịch nội địa	Đêm	06				
2. Công suất sử dụng phòng (07)=(08) / (09)*100	%	07				
Tổng số ngày phòng đã bán	Đêm	08				
Tổng số ngày phòng sẵn có để bán	Đêm	09				
3. Doanh thu	Triệu đ	10				
Dịch vụ lưu trú	Triệu đ	11				
Dịch vụ ăn uống	Triệu đ	12				
Dịch vụ khác	Triệu đ	13				
4. Số lao động trực tiếp hoạt động du lịch	Người	14				
Hoạt động lưu trú	Người	15				
Hoạt động ăn uống	Người	16				